

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
	Tất cả các ngành; xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD-ĐT		301	Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển		0-1%
A	Chương trình đại học chính quy (tiếng Anh bán phần), chương trình đào tạo đặc biệt (theo tiêu chuẩn Anh ngữ chất lượng quốc tế), chương trình tinh hoa (Elite Class)					
1	Tài chính-Ngân hàng (tiếng Anh bán phần) (Chương trình định hướng công nghệ tài chính và chuyển đổi số)	7340201TA	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	1200
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
2	Kế toán (tiếng Anh bán phần) (Chương trình định hướng Digital Accounting)	7340301TA	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	290
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
3	Quản trị kinh doanh (tiếng Anh bán phần) (Chương trình định hướng E. Business)	7340101TA	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	400
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
4	Hệ thống thông tin quản lý (tiếng Anh bán phần)	7340405TA	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	120
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
5	Kinh tế quốc tế (tiếng Anh bán phần)	7310106TA	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	80
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, D07, D09, D10	
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
6	Kinh doanh quốc tế (tiếng Anh bán phần) (mới)	7340120TA	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	80
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, D07, D09, D10	
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07,	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
					X02, X26	
7	Thương mại điện tử (tiếng Anh bán phần) (mới)	7340122TA	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	80
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
8	Ngôn ngữ Anh Chương trình đào tạo đặc biệt (theo tiêu chuẩn Anh ngữ chất lượng quốc tế)	7220201DB	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A01, D01, D07, D09, D10	120
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, D07, D09, D10	
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A01, D01, D07, D09, D10	
9	Luật kinh tế (tiếng Anh bán phần)	7380107TA	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, A03, A07, D09	80
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07	
10	Tài chính-Ngân hàng chương trình tinh hoa (Elite Class) (mới) Thí sinh phải có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 hoặc chứng chỉ tiếng Anh tương đương trở lên.	7340201EL	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	60
			401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
B	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY QUỐC TẾ CẤP SONG BẰNG (Căn cứ theo Quyết định cho phép đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo: Số 2529/QĐ-BGDĐT ngày 03/09/2020; Quyết định số 516/QĐ-ĐHNH & Quyết định số 517/QĐ-ĐHNH ngày 26/02/2026)					
1	Quản trị kinh doanh (Chương trình Quản trị kinh doanh, Marketing, Quản lý)	7340101SB	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00,A01, C01, C02, D01, D07,	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
	chuỗi cung ứng, Tài chính do ĐH Greater Manchester (ĐH Bolton) Anh Quốc và HUB mỗi bên cấp một bằng cử nhân)		100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	X02, X26	40
2	Tài chính - Ngân hàng (Chương trình Tài chính-Ngân hàng -Bảo hiểm do ĐH Toulon Pháp và HUB mỗi bên cấp một bằng cử nhân)	7340201SB	410	Phương thức 2: xét tuyển tổng hợp	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	40
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT		
C	CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CHUẨN					
1	Tài chính – Ngân hàng - Chương trình Tài chính - Chương trình Ngân hàng số và Chuỗi khối - Chương trình Tài chính định lượng và Quản trị rủi ro - Chương trình Tài chính và Quản trị doanh nghiệp	7340201	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	350
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
2	Kế toán	7340301	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	150
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02,	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
					D01, D07, X02, X26	
3	Quản trị kinh doanh	7340101	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	60
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
4	Kiểm toán	7340302	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	60
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
5	Kinh tế quốc tế - Chương trình Kinh tế quốc tế - Chương trình kinh tế và kinh doanh số	7310106	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, D07, D09, D10	120
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02,	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
					D01, D07, X02, X26	
6	Marketing	7340115	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, D09, D10	120
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
7	Công nghệ tài chính	7340205	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	120
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
8	Kinh doanh quốc tế	7340120	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, D07, D09, D10	70
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
9	Luật kinh tế	7380107	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, A03, A07, D09	122
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07	
10	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	170
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
11	Ngôn ngữ Anh - Chương trình Tiếng Anh thương mại - Chương trình Song ngữ Anh - Trung	7220201	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, D07, D09, D10	150
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A01, D01, D07, D09, D10	
12	Ngôn ngữ Trung Quốc (mới)	7220204	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, D07, D09, D10	80
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A01, D01, D07, D09, D10	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
13	Khoa học dữ liệu	7460108	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	120
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
14	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	120
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
15	Thương mại điện tử	7340122	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	60
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
16	Luật	7380101	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A01, A03, A07, D09	60

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07	
17	Trí tuệ nhân tạo	7480107	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	110
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
18	Công nghệ thông tin (mới)	7480201	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	60
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
19	Bảo hiểm (mới) (Chương trình công nghệ bảo hiểm)	7340201	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	60
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07,	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
					X02, X26	
20	Quản trị khách sạn (mới) (Chương trình Quản trị du lịch, khách sạn và nhà hàng)	7810201	401	Phương thức 3: xét tuyển kết quả thi đánh giá đầu vào ĐH trên máy tính V-SAT	A00, A01, A04, A05	60
			100	Phương thức 4: xét tuyển kết quả thi THPT	A00, A01, C01, C02, D01, D07, X02, X26	
D	ĐHCQ QUỐC TẾ DO ĐỐI TÁC CẤP BẰNG (Căn cứ theo Quyết định cho phép đào tạo của Bộ Giáo dục & Đào tạo: Số 2529/QĐ-BGDĐT ngày 03/09/2020; Quyết định số 516/QĐ-ĐHNH & Quyết định số 517/QĐ-ĐHNH ngày 26/02/2026)					
1	ĐHCQ quốc tế Ngành Quản trị kinh doanh (Chương trình Quản trị kinh doanh; Chương trình Quản trị Chuỗi cung ứng; Chương trình Marketing; Chương trình Tài chính do ĐH Greater Manchester (ĐH Bolton), Anh Quốc cấp bằng	7340101QT	414	Phương thức 5	A00, A01, A03, A04, A05, A07, C01, C02, D01, D07, D09, D10, X02, X26	150
2	ĐHCQ quốc tế Ngành Tài chính - Ngân hàng	7340201QT	414	Phương thức 5	A00, A01, A03, A04, A05, A07, C01, C02,	

TT	Tên chương trình, Ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Mã phương thức tuyển sinh	Tên phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn	Số lượng
	(Chương trình Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm Do ĐH Toulon- Pháp cấp bằng)				D01, D07, D09, D10, X02, X26	60

Ghi chú:

- Sinh viên từ năm 2 có cơ hội đăng ký Chương trình cử nhân Pathway (du học chuyển tiếp)

+ Giai đoạn 1 - Học tại HUB

+ Giai đoạn 2 - Học tại nước ngoài; sinh viên chọn một trong các Đại học liên kết với HUB:

- Đại học Macquarie- Úc (Pathway 2+2),
- Đại học Griffith- Úc (Pathway 2+2),
- Đại học Adelaide, Úc (Pathway 2+2),
- Đại học Anglia Ruskin, Anh quốc (Pathway 2+1),
- Đại học EM Normandie, Pháp (Pathway 2+1);
- Đại học Portsmouth, Anh quốc (Pathway 2+1)
- Đại học Andrews, Mỹ (Pathway 3+1);
- Đại học Webster, Mỹ (Pathway 2+2);
- Đại học CityU, Mỹ (Pathway 2+2);
- Đại học Trent, Canada (Pathway 3+1)

- Mã phương thức xét tuyển: xem chi tiết tại Mục 1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh;

- Bảng tổ hợp môn:

A00: Toán, Vật lí, Hoá học	A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh
A03: Toán, Vật lí, Lịch sử	A04: Toán, Vật lí, Địa lí
A05: Toán, Hóa học, Lịch sử	A07: Toán, Lịch sử, Địa lí
D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh
D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	D10: Toán, Địa lí, Tiếng Anh
X02: Toán, Ngữ văn, Tin học	X26: Toán, Tiếng Anh, Tin học
C01: Toán, Ngữ văn, Vật lí	C02: Toán, Ngữ văn, Hóa học

Lưu ý:

- Không sử dụng điểm thi được bảo lưu theo quy định tại Quy chế xét công nhận tốt nghiệp THPT quốc gia để xét tuyển đối với phương thức dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026;

- Không quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển được nêu cụ thể tại nguyên tắc xét tuyển theo từng phương thức;